

SỨC ÉP MÔI TRƯỜNG TỪ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM MIỀN TRUNG

NGUYỄN THỊ BÍCH NGUYỆT

Tóm tắt: Vùng kinh tế trọng điểm (KTTĐ) miền Trung được thành lập với mục tiêu trở thành trung tâm kinh tế biển mạnh, trở thành vùng động lực phát triển cho toàn vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung. Sau 24 năm thành lập, tình hình kinh tế - xã hội (KT-XH) của vùng đã có những bước phát triển đáng kể, trong đó tập trung vào du lịch biển, du lịch sinh thái; sản xuất, lắp ráp ô tô; công nghiệp hóa dầu, công nghiệp quốc phòng; dịch vụ cảng biển. Tuy nhiên, bên cạnh các thành tựu về kinh tế, tại vùng KTTĐ miền Trung đã nảy sinh các thách thức về môi trường bắt nguồn từ các áp lực phát triển kinh tế - xã hội. Lượng chất thải rắn (CTR), nước thải và khí thải phát sinh ngày càng lớn, ô nhiễm do hoạt động sản xuất công nghiệp, du lịch, dịch vụ... làm cho chất lượng môi trường diễn biến phức tạp, chưa được kiểm soát. Nội dung bài viết sẽ nhận diện các sức ép môi trường, từ đó làm cơ sở đề xuất các giải pháp kiểm soát ô nhiễm, hạn chế các tác động tiêu cực từ hoạt động phát triển KT-XH đến môi trường vùng KTTĐ miền Trung.

Từ khóa: ô nhiễm môi trường, vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, môi trường, kiểm soát ô nhiễm

ENVIRONMENTAL PRESSURE FROM SOCIO-ECONOMIC DEVELOPMENT IN THE CENTRAL ECONOMIC REGION

Abstract: The Central Key Economic Region was established with the goal of becoming a strong maritime economic center and a driving force for development for the entire North Central Region and the Central Coast of Viet Nam. To date, the region's socio-economic situation has made significant developments, focusing on marine tourism and eco-tourism; automobile manufacturing and assembly; petrochemical industry, defense industry; and seaport services. However, besides economic achievements, in the Central Key Economic Region, environmental challenges have arisen because the local socio-economic development pressures on the environment and the amount of solid waste, wastewater and emissions, that is increasingly generated, pollution due to industrial production, tourism, service activities. This is making the local environmental quality complex and uncontrolled. This article focuses on identifying environmental pressures, thereby serving as a basis for proposing solutions to control pollution and limit negative impacts from socio-economic activities on the environment in the Central Key Economic Regions.

Keywords: Environmental pressure, key economy, pollution control

1. Đặt vấn đề

Hiện nay cả nước đã hình thành được 04 vùng KTTĐ (gồm vùng KTTĐ Bắc Bộ, miền Trung, phía Nam và vùng đồng bằng sông Cửu Long) [1]. Trong đó, vùng KTTĐ miền Trung bao gồm 05 tỉnh, thành phố: Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng,

Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định. Mục tiêu đến năm 2030, vùng KTTĐ miền Trung được xây dựng thành trung tâm kinh tế biển mạnh, trở thành vùng động lực phát triển cho toàn vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung, là cửa ngõ ra biển quan trọng của các tỉnh

vùng Tây Nguyên tạo thế tiến ra biển nhằm bảo vệ vững chắc chủ quyền biển đảo của Tổ quốc. Vùng KTTĐ miền Trung tập trung vào du lịch biển, du lịch sinh thái; sản xuất, lắp ráp ô tô; công nghiệp hóa dầu, công nghiệp quốc phòng; dịch vụ cảng biển [3].

Vùng KTTĐ miền Trung đã thu được nhiều kết quả quan trọng sau hơn 24 năm thành lập. Đặc biệt, trong giai đoạn 2016-2020, tình hình KT-XH của vùng đã có những bước phát triển đáng kể, tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt gần 9%/năm. Trong vùng KTTĐ miền Trung có 4 khu kinh tế ven biển, 4 cảng nước sâu và 4 sân bay, rất thuận lợi cho phát triển kinh tế biển, nhất là công nghiệp, logistics gắn với cảng biển, du lịch [3].

Tuy nhiên, bên cạnh các thành tựu về kinh tế, tại vùng KTTĐ miền Trung đã nảy sinh các thách thức lên môi trường do lượng CTR, nước thải và khí thải phát sinh ngày càng nhiều. Tình trạng ô nhiễm môi trường đã xảy ra ở một số nơi do lượng chất thải phát sinh lớn và không được thu gom, xử lý triệt để; tạo ra áp lực lên công tác bảo vệ môi trường (BVMT), ảnh hưởng đến mục tiêu phát triển bền vững (PTBV) của vùng và cả nước. Tình trạng ô nhiễm bụi cục bộ đã xảy ra tại các nút giao thông, khu vực gần các trục giao thông chính, các khu công nghiệp... Môi trường đất, nước mặt, nước dưới đất trong vùng đang bị tác động do hoạt động kinh tế, đô thị hóa, dân sinh; ô nhiễm môi trường tại các cảng cá và khai thác cát trên một số sông còn diễn biến phức tạp, chưa được kiểm soát. Bên cạnh đó, ý thức và trách nhiệm của một bộ phận doanh nghiệp, người dân về BVMT còn chưa cao, cùng với tác động của biến đổi khí hậu (BĐKH) đã làm cho công tác BVMT ngày càng phức tạp.

Do vậy, việc nhận diện, đánh giá các sức ép môi trường vùng KTTĐ miền Trung từ phát triển KT-XH và đề xuất các giải pháp kiểm soát ô nhiễm, hạn chế tác động tiêu cực của một số

hoạt động phát triển kinh tế lên môi trường là nhiệm vụ cần thiết phải thực hiện.

2. Cơ sở dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

Dữ liệu sử dụng trong bài được khai thác từ nguồn tư liệu thuộc đề tài cấp Bộ “*Ảnh hưởng của phát triển các khu công nghiệp đến môi trường vùng ven biển tỉnh Quảng Nam*” do Viện Địa lý nhân văn chủ trì; dữ liệu từ các Quy hoạch phát triển KT-XH các tỉnh/thành, dự thảo Đề án BVMT vùng KTTĐ miền Trung, các báo cáo của các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Bài báo sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp thông tin và đánh giá hiện trạng phát triển KT - XH vùng KTTĐ miền Trung; tổng hợp thông tin và đánh giá công tác quản lý nhà nước về BVMT tại các tỉnh vùng KTTĐ miền Trung; từ đó chỉ ra những vấn đề môi trường từ các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội vùng KTTĐ miền Trung.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Khái quát về tự nhiên, KT-XH vùng KTTĐ miền Trung

Vùng KTTĐ miền trung bao gồm 5 tỉnh, thành phố: Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định. Trong vùng có 5 thành phố trực thuộc tỉnh, 6 quận, 43 huyện, 5 thị xã, 158 phường, 41 thị trấn và 575 xã. Tổng diện tích tự nhiên là 27.976,7 km², chiếm khoảng 29,1% diện tích tự nhiên vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung và chiếm khoảng 8,4% diện tích tự nhiên cả nước. Dân số trung bình năm 2020 là 6.529,5 nghìn người; chiếm 6,82% dân số cả nước. Dân số đô thị chiếm 43,48% dân số cả vùng [1].

Với đường bờ biển kéo dài trên 601 km và hệ thống cảng biển dày đặc (Chân Mây, Tiên Sa, Liên Chiểu, Kỳ Hà, Dung Quất, Quy Nhơn), 04 sân bay (trong đó có 03 sân bay quốc tế: Đà Nẵng, Phù Cát, Phú Bài), 81 km biên giới với CHDCND Lào và QL1A đi qua 5 địa phương,

vùng KTTĐ miền Trung có nhiều tiềm năng, lợi thế cho phát triển và giao lưu kinh tế. Vùng KTTĐ miền Trung là cửa ngõ quan trọng tiến ra biển của vùng Tây Nguyên, có vị trí chiến lược và điều kiện thuận lợi hình thành các hành lang giao lưu kinh tế Đông - Tây, các hành lang thương mại quan trọng, nối Tây Nguyên, Myamar, Campuchia, Lào với đường hàng hải quốc tế qua Biển Đông và Thái Bình Dương. Vùng KTTĐ miền Trung trở thành đầu mối giao lưu kinh tế quốc tế quan trọng với các nước trong khu vực và trên thế giới [4-9].

Các địa phương trong vùng có tài nguyên biển và hải đảo phong phú, thuận lợi cho phát triển các ngành kinh tế biển. Với hàng trăm nghìn ha mặt nước ven biển và các vũng, vịnh, đầm, phá thuận lợi cho nuôi trồng và phát triển nguồn lợi thủy sản. Tổng diện tích tiềm năng cho nuôi trồng thủy sản toàn vùng khoảng 65.731 ha; trong đó vùng diện tích nước lợ có diện tích khoảng 18.920 ha.

Ngoài điều kiện thuận lợi về nguồn thủy sản, vùng KTTĐ miền Trung còn có các bãi biển thoải, cát trắng đã tạo ra những bãi tắm đẹp, hàng năm thu hút hàng triệu du khách đến du lịch, tham quan và nghỉ dưỡng...

Vùng KTTĐ miền Trung có tốc độ phát triển kinh tế nhanh và ổn định. Trong thời kỳ 2011 - 2020, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân đạt khoảng 6,02%/năm, trong đó tốc độ tăng trưởng

thời kỳ 2011 - 2015 bình quân đạt 7,46%/năm; thời kỳ 2016 - 2019 đạt 8,99%/năm.

Vùng KTTĐ miền Trung có lợi thế phát triển dịch vụ du lịch, cảng biển. Năm 2020, dịch vụ chiếm 43,9%; công nghiệp - xây dựng chiếm 30,91%; nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 12,92%; thuế chiếm 11,6% trong tổng GRDP của vùng.

Tuy nhiên, vùng KTTĐ miền Trung đang được xem là “vùng trũng” phát triển so với vùng KTTĐ Bắc Bộ và vùng KTTĐ phía Nam; trong đó các khía cạnh phát triển vùng bao gồm mật độ, khoảng cách, sự chia cắt; thực trạng phát triển đô thị và nông thôn, tổ chức không gian lãnh thổ, kinh tế phát triển và hội nhập vùng là những vấn đề cần phải quan tâm trong giai đoạn phát triển tới.

3.2. Sức ép môi trường đối với vùng KTTĐ miền Trung

1) Sức ép từ gia tăng dân số, đô thị hóa

Theo các kịch bản phát triển đến năm 2030 được lựa chọn trong Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 của các địa phương, quy mô dân số của toàn vùng dự kiến đạt khoảng trên 7,93 triệu dân; tăng khoảng 21,1% so với năm 2020. Tương ứng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh ước tính khoảng gần 1.318,5 nghìn m³/ngày đêm và khối lượng chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH) phát sinh khoảng 7.107,6 tấn/ngày (Bảng 1).

Bảng 1. Dự báo lượng nước thải, CTRSH phát sinh vùng KTTĐ miền Trung năm 2030

Tỉnh/Thành phố	Dân số (người)	Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh (m ³ /ngày đêm)	Khối lượng CTRSH phát sinh (tấn/ngày)
Thừa Thiên Huế	1.300.000	116.817	944
Đà Nẵng	1.557.240	495.000	2.093
Quảng Nam	2.017.223	217.077	1.773
Quảng Ngãi	1.517.524	303.505	1.047
Bình Định	1.540.215	186.100	1.251
Tổng	7.932.202	1.318.499	7.108

Nguồn: Tổng hợp từ Dự thảo Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050 [5-9]

Công tác quản lý CTRSH và thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt tại các địa phương còn tồn tại nhiều bất cập cần ưu tiên đầu tư, khắc phục. Hạ tầng kỹ thuật về môi trường ở các đô thị (chưa kể đến khu vực nông thôn hầu như không được quan tâm đầu tư xây dựng) chưa đáp ứng được yêu cầu thu gom, xử lý triệt để khối lượng CTRSH ngày một gia tăng. Tình trạng ô nhiễm môi trường nước vốn đã và đang là vấn đề nổi cộm và xảy ra nhiều điểm nóng về môi trường trong thời gian qua, sẽ tiếp tục được dự báo gia tăng đến năm 2030.

Bên cạnh đó, dân số ngày càng gia tăng và tốc độ đô thị hóa nhanh đã kéo theo nhiều vấn đề môi trường phát sinh, như tăng diện tích bê tông hóa, giảm mật độ cây xanh, thảm cỏ, tăng mật độ phương tiện giao thông... ở các khu đô thị. Điều này có thể dẫn đến tình trạng quá tải của hạ tầng môi trường và ô nhiễm cục bộ tại khu vực đô thị nếu không chú trọng đầu tư đồng bộ; nâng cấp, cải tạo và xây dựng mới hạ tầng BVMT (hệ thống xử lý nước thải tập trung, các khu xử lý CTR tập trung, hệ thống công viên cây xanh, hồ điều hòa...).

2) Phát triển công nghiệp và khu kinh tế ven biển

Một trong những áp lực lớn nhất đến môi trường ở vùng KTTĐ miền Trung là từ phát triển các ngành kinh tế biển, đặc biệt là việc phát triển các ngành công nghiệp, thể hiện thông qua việc gia tăng số lượng, diện tích các

khu kinh tế, công nghiệp... Tại vùng KTTĐ miền Trung, các ngành công nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao, ảnh hưởng đến sức khỏe con người và các hệ sinh thái (HST) tự nhiên, như gang thép, hóa dầu, cơ khí, dệt may, bột giấy, chế biến thủy sản, chế tạo... Hầu hết, các doanh nghiệp thuộc các ngành này đều nằm trong khu, cụm công nghiệp. Đến nay, còn một số khu cụm công nghiệp tại 05 tỉnh vùng KTTĐ miền Trung chưa có hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung bảo đảm quy định.

Theo quy hoạch phát triển công nghiệp của các địa phương trong vùng đến năm 2030, tổng diện tích đất công nghiệp của vùng KTTĐ miền Trung vào khoảng 28.856,81 ha; lượng nước thải phát sinh dự báo tương ứng khoảng 1.454.515,41 m³/ngày đêm; CTR công nghiệp (CTRCN) thông thường khoảng 4.945,2 tấn/ngày và tương đương với lượng chất thải nguy hại công nghiệp phát sinh (khoảng 4.096,3 tấn/ngày). Công tác thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH công nghiệp trên địa bàn thực hiện theo phương thức xã hội hóa (doanh nghiệp đầu tư) mang lại hiệu quả tốt. Việc đồng xử lý chất thải của các lò nung xi măng cũng mang lại hiệu quả cao. Tuy nhiên, nước thải công nghiệp và khí thải công nghiệp ở vùng KTTĐ miền Trung luôn tiềm ẩn phát sinh những vấn đề nóng về môi trường (nhà máy lọc hóa dầu Bình Sơn, khu liên hiệp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất).

Bảng 2. Dự báo chất thải phát sinh vùng KTTĐ miền Trung năm 2030

Tỉnh/Thành phố	Diện tích (ha)	Nước thải công nghiệp phát sinh (m ³ /ngày)	CTR công nghiệp thông thường phát sinh (tấn/ngày)	CTR nguy hại phát sinh (tấn/ngày)
Thừa Thiên Huế	3.674,4	120.637	2.457,98	258,7
Đà Nẵng	3.350,79	108.218	269,6	27,4
Quảng Nam	6.296,62	72.967,41	793,37	528,92
Quảng Ngãi	8.640	213.993	217,65	3.006,16
Bình Định	6.895	938.700	1.206,6	275,12
Tổng	28.856,81	1.454.515,41	4.945,2	4.096,3

Nguồn: Tổng hợp từ Dự thảo Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

3) Hoạt động giao thông - vận tải

Áp lực và thách thức môi trường do phát triển giao thông và xây dựng ngày càng phổ biến, đặc biệt ở các đô thị tập trung dân cư. Kết quả quan trắc môi trường không khí trên địa bàn 05 tỉnh, thành phố vùng KTTĐ miền Trung đã ghi nhận tình trạng ô nhiễm bụi, đặc biệt là bụi mịn ($PM_{2.5}$) do gia tăng số lượng và mật độ các phương tiện tham gia giao thông trên các tuyến đường quốc lộ chính, khu vực nội thị, khu vực công nghiệp. Vì vậy, việc phát triển hoạt động xây dựng cơ sở hạ tầng và phát triển giao thông được dự báo sẽ mang đến những áp lực và thách thức về môi trường, nhất là đối với công tác quản lý nhà nước về BVMT.

Tại các trung tâm đô thị, một trong những áp lực môi trường là sự tăng số lượng phương tiện xe cá nhân và phương tiện vận tải trên các tuyến đường, dẫn đến tình trạng ô nhiễm môi trường không khí. Nhiều khu vực đã ghi nhận sự suy giảm chất lượng môi trường không khí xung quanh.

Việc xây dựng các công trình lớn như đường cao tốc, cầu, hầm đường bộ, sân bay, cảng biển... làm tăng lượng khí thải và ảnh hưởng

đến môi trường không khí xung quanh.

4) Hoạt động sản xuất nông nghiệp

Theo thống kê, tại các địa phương trong vùng KTTĐ miền Trung vẫn đang phát hiện, xử lý, cải tạo nhiều điểm ô nhiễm đất do hoá chất BVTV. Kết quả rà soát và tổng hợp của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam cho thấy, trên địa bàn tỉnh có 32 điểm bị ô nhiễm và thoái hóa; trong đó xử lý xong 01 điểm tại thị trấn Đông Phú, huyện Quế Sơn.

Môi trường nước mặt và nước ngầm cũng bị tác động xấu bởi ảnh hưởng của nước thải chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và việc khai thác nước để tưới tiêu và sản xuất thực phẩm. Ngoài ra, sử dụng máy móc nông nghiệp và chế biến thực phẩm làm tăng phát thải khí nhà kính và giảm chất lượng không khí.

Việc phát triển nông nghiệp cũng có thể dẫn đến sự giảm ĐDSH và thay đổi cảnh quan tự nhiên. Việc hình thành các khu vực canh tác tập trung, bãi chăn nuôi và các cơ sở chế biến thực phẩm có thể dẫn đến ô nhiễm môi trường, chia cắt sinh cảnh và tính kết nối của cảnh quan, HST tự nhiên.

Bảng 3. Dự báo chất thải chăn nuôi phát sinh vùng KTTĐ miền Trung năm 2030

Tỉnh/Thành phố	Tổng số vật nuôi (con)	Nước thải phát sinh (m^3 /ngày)	CTR phát sinh (tấn/ngày)
Thừa Thiên Huế	5.302.000	8.561	992
Đà Nẵng	520.592	841*	97*
Quảng Nam	10.046.000	110.488	9.261*
Quảng Ngãi	9.627.256	531.300	8.875
Bình Định	1.631.000	45.608	7.930
Tổng	27.126.848	695.798	27.155

Nguồn: Tổng hợp từ Dự thảo Quy hoạch các tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

5) Hoạt động dịch vụ và du lịch

Việc phát triển du lịch và dịch vụ du lịch, đặc biệt là tăng trưởng nóng khách du lịch như thời gian qua đã đem lại nhiều áp lực và thách thức lên môi trường.

Trong thời gian tới, vùng KTTĐ miền Trung phát huy thế mạnh du lịch biển đảo và du lịch di

sản, số lượng du khách ngày càng đông, đồng nghĩa với việc lượng rác thải và nước thải sinh hoạt sẽ tăng lên, trong khi hạ tầng xử lý môi trường còn hạn chế, thiếu đồng bộ và chưa đảm bảo năng lực tiếp nhận và xử lý. Điều này sẽ trở thành thách thức lớn cho công tác quản lý nhà nước về môi trường ở vùng KTTĐ miền Trung

trong thời gian tới.

Du lịch và dịch vụ phát triển sẽ gia tăng nhu cầu khai thác, sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên và các dịch vụ HST tự nhiên. Sự gia tăng số lượng khách du lịch và dịch vụ cũng đồng nghĩa với việc sử dụng nhiều nước, lương thực, thực phẩm, năng lượng, mặt bằng xây dựng cơ sở hạ tầng, gây ảnh hưởng đến các HST, nguy cơ cạn kiệt tài nguyên và công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên, ĐDSH.

Ngoài ra, phát triển cơ sở hạ tầng và tiện ích du lịch có thể dẫn đến gia tăng nhanh quá trình đô thị hóa, tăng nguy cơ xâm hại đến các khu bảo tồn thiên nhiên, các khu di sản, các khu vực ĐDSH cao, các cảnh quan thiên nhiên và di tích lịch sử - văn hóa, đồng thời ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống của dân cư địa phương.

6) Áp lực từ biến đổi khí hậu và thời tiết cực đoan

Vùng KTTĐ miền Trung là nơi chịu ảnh hưởng nặng nhất bởi các hiện tượng thời tiết cực đoan giai đoạn 1997-2016. Các hiện tượng thời tiết cực đoan đã có sự chuyển dịch từ quy luật theo mùa sang xuất hiện quanh năm, kể cả trong những tháng được xem là hiếm có hiện tượng thời tiết cực đoan. Điển hình là tình trạng khô hạn và mưa cực đoan ở miền Trung. Năm 2016, khu vực này đã trải qua đợt hạn hán và xâm nhập mặn lớn nhất trong lịch sử 90 năm vừa qua. Trong đợt nắng nóng năm 2019, ở khu vực Quảng Nam, nhiệt độ đo được ngày 20 tháng 4 là 43,4°C, mức cao nhất trong lịch sử quan trắc của Việt Nam đến nay. Năm 2020, nền nhiệt độ trung bình tháng phổ biến cao hơn trung bình nhiều năm từ 0,5 - 1,5°C; đặc biệt, trong tháng 3 và tháng 4, nhiệt độ trung bình tháng cao hơn so với trung bình nhiều năm từ 1,6 - 3,0°C.

Tình trạng hạn hán kéo dài từ Nghệ An đến Ninh Thuận, nặng nhất là ở Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên. Xâm nhập mặn sâu vào nội đồng đã diễn ra tại Đà Nẵng. Hạn hán và

xâm nhập mặn đã gây ra tình trạng thiếu nước nghiêm trọng cho sinh hoạt và sản xuất trên địa bàn TP. Đà Nẵng những năm qua.

Năm 2020, tình hình thiên tai cũng có nhiều yếu tố bất thường, thậm chí là dị thường, khó lường. Đầu năm là hình thái thời tiết chịu ảnh hưởng của hiện tượng El Nino, nhưng cuối năm lại chịu tác động của hiện tượng La Nina. Hệ quả là nắng nóng gay gắt ngay từ đầu năm, còn bão và mưa lớn dồn dập vào cuối năm.

3.3. Một số giải pháp giảm sức ép môi trường vùng KTTĐ miền Trung

1) Giải pháp kiểm soát ô nhiễm, nâng cao hiệu quả công tác BVMT

Thời gian tới, công tác BVMT của vùng KTTĐ miền Trung cần đặt trọng tâm là xây dựng và phát triển nền kinh tế tuần hoàn; thực hiện tốt công tác quản lý chất thải, với quan điểm phải tận dụng được tối đa giá trị tài nguyên của chất thải; giải quyết tốt bài toán hài hòa giữa BVMT với phát triển KT-XH; đẩy mạnh công tác bảo tồn thiên nhiên và ĐDSH; tiếp tục đổi mới phương thức quản lý môi trường trong điều kiện chuyển đổi số.

Một số hoạt động cần được đẩy nhanh tiến trình xã hội hóa, như thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải, trồng cây xanh, xây dựng hệ thống thoát nước... để giảm tỷ trọng chi ngân sách sự nghiệp môi trường cho các hoạt động. Đồng thời gia tăng ngân sách chi cho các hoạt động: tăng cường năng lực quản lý nhà nước về môi trường của địa phương; đầu tư các trạm quan trắc môi trường tự động, liên tục trên địa bàn tỉnh; quản lý chất thải; thanh kiểm tra môi trường; tuyên truyền, nâng cao nhận thức; ngăn ngừa và xử lý ô nhiễm môi trường.

2) Giải pháp đối với ngành công nghiệp - xây dựng

Đầu tư hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật BVMT tại các khu, cụm công nghiệp; không cho phép thu

hút, bố trí các dự án đầu tư vào khi chưa hoàn thành hạ tầng kỹ thuật. Giám sát chặt chẽ việc vận hành công trình xử lý môi trường tại các khu, cụm công nghiệp.

Khuyến khích các dự án công nghiệp đầu tư vào các khu cụm công nghiệp đã được quy hoạch, hạn chế cấp phép đầu tư cho các dự án nằm ngoài khu, cụm, nhất là các dự án có quy mô lớn, để thuận lợi trong công tác quản lý nguồn thải và kiểm soát ô nhiễm sau này.

Ưu tiên thu hút các ngành công nghiệp nhẹ, công nghiệp sạch, ít gây ô nhiễm môi trường. Đối với các dự án có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao, cần xem xét kỹ khả năng tài chính và hiệu quả kinh tế của dự án nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để xây dựng, lắp đặt và vận hành các hạng mục xử lý, BVMT.

Quy hoạch và xây dựng các bãi tập kết chất thải vật liệu xây dựng đáp ứng với tốc độ phát triển, nhu cầu xây dựng của các thành phố lớn. Khuyến khích các dự án tái chế loại chất thải này.

3) Giải pháp đối với ngành nông nghiệp

Tăng cường mô hình chăn nuôi tập trung, giảm chăn nuôi nhỏ lẻ, chuyển dịch chăn nuôi tập trung từ vùng có mật độ dân số cao đến vùng có mật độ dân số thấp (từ đồng bằng đến trung du, miền núi). Khuyến khích nông dân phát triển chăn nuôi theo phương pháp sử dụng đệm lót sinh học, thu gom phân hàng ngày để ủ vi sinh...

Nghiên cứu chọn địa điểm thành lập các khu công nghiệp nuôi tôm tập trung công nghệ cao, kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật có đầy đủ công trình xử lý nước cấp và nước thải để người dân thuê lại vùng hạ tầng nuôi thực hiện nuôi thâm canh, hướng đến NTTS nước lợ vùng ven biển bền vững. Xây dựng phương án xử lý nước thải theo hướng xử lý cục bộ tùy quy mô và đặc điểm địa hình từng vùng. Đối với các vùng không thực hiện sắp xếp nuôi, yêu cầu người dân/cơ sở nuôi phải có hồ

sơ môi trường, phải thực hiện biện pháp xử lý nước thải và ứng dụng công nghệ nuôi tiên tiến trước khi thải ra ngoài khu vực nuôi.

Bảo vệ nghiêm ngặt diện tích rừng hiện có, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh những diện tích rừng đã bị tác động để đảm bảo khả năng phòng hộ của rừng đầu nguồn. Chú trọng tạo ra quỹ đất để phát triển rừng thay thế. Tăng độ che phủ rừng đạt kế hoạch đề ra hằng năm.

4) Giải pháp đối với ngành thương mại - dịch vụ

Phát triển du lịch đi đôi với bảo tồn di tích, di sản văn hóa, cảnh quan thiên nhiên. Xây dựng môi trường du lịch bền vững, nâng cao nhận thức của xã hội, cộng đồng về trách nhiệm BVMT du lịch. Tăng cường công tác quản lý, BVMT tại các địa điểm vui chơi, du lịch.

Đối với vùng đồng bằng ven biển, tạo quỹ đất để thu hút các dự án có quy mô lớn, đáp ứng được yêu cầu về BVMT.

5) Giải pháp huy động nguồn lực cho BVMT

Cần hình thành các cơ chế tài chính để thúc đẩy, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư cho BVMT. Quỹ BVMT là cơ chế đang được áp dụng ở các tỉnh, thành phố của Việt Nam. Việc sớm ổn định bộ máy hoạt động của Quỹ sẽ góp phần hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp vừa và nhỏ được tiếp cận nguồn vốn cho xử lý môi trường. Đồng thời, thông qua quỹ này, các tổ chức có nơi để ủy thác, ký quỹ hoặc tài trợ các hoạt động BVMT.

Các chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư công nghệ sạch cần có sức hút mạnh mẽ hơn để các chính sách này thật sự đi vào cuộc sống. Đặc biệt, những ưu đãi về đất đai, tín dụng, thuế, phí cần có hướng dẫn cụ thể của các bộ ngành liên quan thì mới thực hiện được trong thực tế. Cùng với đó, chiến lược phát triển công nghiệp và dịch vụ môi trường cần được chú trọng để phát triển mạnh trong thời gian tới ở cả

5 tỉnh và thành phố, vừa tạo ra lợi ích kinh tế về môi trường, nhưng cũng sẽ hỗ trợ, tư vấn doanh nghiệp trong BVMT trong bối cảnh hội nhập.

Đối với các tỉnh có ngân sách phát triển KT-XH khó khăn cần có những chính sách đặc thù nhằm nâng cao các vấn đề về BVMT, đặc biệt trong lĩnh vực thu gom xử lý CTRSH, CTRNH, sửa chữa, xây dựng mới hệ thống xử lý nước thải tập trung ở các cụm công nghiệp, tránh tình trạng đã có cơ sở phát sinh nguồn thải nhưng chưa có hệ thống xử lý.

4. Kết luận

Quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa ở vùng KTTĐ miền Trung diễn ra khá mạnh mẽ. Công tác quy hoạch chỉnh trang đô thị, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, thu hút nhiều các dự án đầu tư. Do vậy, nhu cầu sử dụng đất phục vụ các ngành công nghiệp, du lịch - dịch vụ cũng tăng cao.

Sức ép lên môi trường do phát triển KT-XH

vùng KTTĐ miền Trung là rõ ràng. Gia tăng dân số và đô thị hóa là được dự báo yếu tố chính gây nên các sức ép đến kinh tế - xã hội - môi trường. Bên cạnh đó, trong vùng còn phát triển công nghiệp và khu kinh tế ven biển, cơ sở hạ tầng và giao thông, nông nghiệp và dịch vụ du lịch. Phát triển luôn đi kèm theo các áp lực cụ thể không thể tránh khỏi, nhất là đối với môi trường. Theo đó, vấn đề nước thải, khí thải, CTR từ các hoạt động công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải, sinh hoạt tăng đáng kể về khối lượng, mức độ.

Do vậy, công tác BVMT của vùng KTTĐ miền Trung cần đặt trọng tâm là xây dựng và phát triển nền kinh tế tuần hoàn; thực hiện tốt công tác quản lý chất thải, với quan điểm phải tận dụng được tối đa giá trị tài nguyên của chất thải; giải quyết tốt bài toán hài hòa giữa BVMT với phát triển KT-XH.

Bài báo là sản phẩm của đề tài cấp Bộ: "Ảnh hưởng của phát triển các khu công nghiệp đến môi trường vùng ven biển tỉnh Quảng Nam", theo hợp đồng số 128/HĐKH-KHXX ngày 19 tháng 1 năm 2023.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ KH&ĐT (2022), *Dự thảo Báo cáo Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050*.
2. Bộ TN&MT (2021), *Báo cáo hiện trạng môi trường biển và hải đảo quốc gia giai đoạn 2016 - 2020, tổng quan môi trường Việt Nam*.
3. Chi cục Kiểm soát ô nhiễm miền Trung (2023), *Dự thảo Đề án bảo vệ môi trường vùng KTTĐ miền Trung giai đoạn đến năm 2025, tầm nhìn đến 2035*.
4. Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học (2021), *Báo cáo Quy hoạch bảo tồn ĐDSH từ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045*.
5. UBND thành phố Đà Nẵng (2023), *Dự thảo Quy hoạch thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050*.
6. UBND tỉnh Bình Định (2023), *Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050*.
7. UBND tỉnh Quảng Nam (2023), *Quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050*.
8. UBND tỉnh Quảng Ngãi (2023), *Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050*.
9. UBND tỉnh Thừa Thiên Huế (2023), *Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050*.

Thông tin tác giả:

Nguyễn Thị Bích Nguyệt - Viện Địa lý nhân văn
Địa chỉ liên hệ: 176 Thái Hà, Đống Đa, Hà Nội
Email: nguyetnb@gmail.com; ĐT: 0912322759

Nhật ký tòa soạn

Ngày nhận bài: 14/8/2023
Biên tập: 9/2023